

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

- Bản án số: **158/2017/HNGĐ-ST**
- Ngày 09 tháng 6 năm 2017.
- V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Liễu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Danh Hiếu.
2. Ông Trần Văn Lôi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Hồng Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G - Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 về : “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2017/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Phan Hữu L**, sinh năm 1980 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm H, xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An.

2. *Bị đơn:* Chị **Phạm Thị Mộng U**, sinh năm 1978 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

* *Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai nguyên đơn Phan Hữu L trình bày:* Anh và chị Phạm Thị Mộng U chung sống với nhau năm 2004, được UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do

vợ chồng sống không hợp nhau nên không tìm được hạnh phúc. Anh và chị U sống ly thân nhau từ tháng 2007 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm. Nay anh xin ly hôn với chị U.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phan Thị Yến N, sinh ngày 08/03/2005, hiện nay cháu đang sống với chị U. Anh đồng ý giao cháu N cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

** Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng bị đơn Phạm Thị Mộng U trình bày:* Chị và anh L tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự tìm hiểu và tự nguyện, có tổ chức cưới và được UBND xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2004. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2007 phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, vợ chồng sống không hạnh phúc, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị và anh L sống ly thân nhau từ tháng 2007 cho đến nay. Trong thời gian này vợ chồng không có trao đổi để hàn gắn tình cảm. Nay anh L xin ly hôn, chị đồng ý.

- Về con chung: Chị đồng ý tiếp tục nuôi cháu N, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu trình tự, thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự: Anh Phan Hữu L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị U. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Anh Phan Hữu L có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt vì vậy căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

- Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị U trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã X, huyện N, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn năm 2004 là hôn nhân hợp pháp. Nay anh L yêu cầu ly hôn cần được xem xét giải quyết theo quy định Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu ly hôn của anh L là có cơ sở bởi thời gian chung sống giữa vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng sống không hợp nhau, thường cãi nhau. Anh và chị U sống ly thân nhau từ năm 2007 cho đến nay. Trong thời gian này anh chị không có trao đổi để hàn gắn tình cảm. Nay anh L xin ly hôn chị U đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nuôi con chung: Theo đơn xin ly hôn và tại bản tự khai anh L đồng ý giao cho chị U được tiếp tục nuôi 01 con chung là cháu Phan Thị Yến N, sinh ngày 08/3/2005, anh không cấp dưỡng nuôi con. Chị U đồng ý nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng. Đây là sự tự nguyện của anh chị hơn nữa theo lời khai của cháu N (BL 25) có nguyện vọng muốn sống với mẹ và qua xác minh của chính quyền địa phương cho biết chị U đủ điều kiện nuôi con nên căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu N cho chị U tiếp tục nuôi. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

- Về tài sản chung: Anh L và chị U đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L và chị U đều thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Anh Phan Hữu L là nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 273, Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phan Hữu L.

1. Về quan hệ hôn nhân : Cho ly hôn giữa anh Phan Hữu L và chị Phạm Thị Mộng U.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phan Thị Yến N, sinh ngày 08/3/2005 cho chị Phạm Thị Mộng U trực tiếp nuôi dưỡng.

- Chị U không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

- Anh L được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Anh Phan Hữu L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 41727 ngày 12/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã G. Như vậy, anh L đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Mộng U có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Phan Hữu L vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND TXG;
- CC THADS TXG;
- Các đương sự;
- UBND xã X, huyện N, Nghệ An;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ BÍCH LIỄU